

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Số: 1197/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 18 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường;
Ủy ban nhân dân quận, huyện

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCHN ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại địa phương;

Căn cứ Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân quận, huyện;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân quận, huyện (Đính kèm danh mục).

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, điều chỉnh các quy trình nội bộ đã phê duyệt đảm bảo phù hợp với Quyết định này. Giao Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính tại phần mềm của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Cổng dịch vụ công thành phố để áp dụng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có) và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Tấn Hiển

**DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN
VÀ GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG;
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN, HUYỆN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1197/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

I. Quy trình nội bộ thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường

STT	Tên Quy trình nội bộ	Mã quy trình	Quyết định công bố
Lĩnh vực Đất đai			
1.	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	QT04/CCQLĐĐ	Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2018
Lĩnh vực Tài nguyên nước			
1.	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển	QT01/TNN	Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2023
2.	Đăng ký khai thác nước dưới đất	QT02/TNN	
3.	Trả lại giấy phép tài nguyên nước	QT03/TNN	
4.	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	QT04/TNN	
5.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	QT05/TNN	
6.	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	QT06/TNN	
7.	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	QT07/TNN	
8.	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi	QT08/TNN	

	trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m^3 /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m^3 , hoặc lưu lượng khai thác từ 2m^3 /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m^3 , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5m^3 /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m^3 /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m^3 /ngày đêm		
9.	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m^3 /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m^3 , hoặc lưu lượng khai thác từ 2m^3 /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m^3 , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5m^3 /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m^3 /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m^3 /ngày đêm	QT12/TNN	
10.	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước <i>(áp dụng cho cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất/khai thác, sử dụng nước dưới đất)</i>	QT13.1/TNN	

11.	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước <i>(áp dụng cho cấp lại giấy phép khai thác sử dụng nước mặt, nước biển)</i>	QT13.2/TNN	
12.	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên sông suối thuộc trường hợp phải xin phép	QT17/TNN	

II. Quy trình nội bộ thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Ủy ban nhân dân quận, huyện

STT	Tên Quy trình nội bộ	Mã quy trình	Quyết định công bố
Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường			
1.	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân	QT04/TNMT	Quyết định số 1750/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2018
2.	Đăng ký khai thác nước dưới đất	QT01/TNN.H	Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2023
3.	Lấy ý kiến Ủy ban nhân dân cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh	QT02/TNN.H	